

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2019/HS-ST

Ngày : 06/11/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn T

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Phú

Bà Hoàng Thị Kim Yên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiên – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Tố Trinh - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Tân Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 126/2019/TLST-HS ngày 27 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2019/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

NGUYỄN THỊ T (tên gọi khác: Lan A); sinh ngày 03 tháng 6 năm 1988 tại Quảng Trị; nơi đăng ký thường trú: thôn Cổ L, xã A, huyện B, tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú (tạm trú): Số nhà 560/16C đường Trường C, Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Gia Đ và bà Võ Thị N; có chồng: Lê N (đã ly hôn) và 02 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam: 07/6/2019, thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 30/8/2019, Bị cáo tại ngoại.

(Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1997, nơi cư trú: Thôn 2, xã E, huyện F, tỉnh Thừa Thiên Huế.

(Có mặt)

2. Chị Nguyễn Thị Trúc S, sinh năm 2000, nơi cư trú: ấp Trường K, xã G, huyện H, thành phố Cần Thơ.

(Vắng mặt)

3. Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1998, nơi cư trú: thôn 5, xã I, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

(Vắng mặt)

4. Anh Võ C, sinh năm 1989, nơi cư trú: số nhà 67 đường D2, Phường L, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

5. Anh Võ Bá T, sinh năm 1976, nơi cư trú: C02.03 chung cư Tam P, phường O, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

6. Ông Nguyễn Thê M, sinh năm 1960, nơi cư trú: Lô 1 cư xá Vĩnh Hội, đường Hoàng D, Phường R, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị T (tên gọi khác là Lan A) là quản lý tại phòng trà Pha L số 02bis đường Nguyễn Thái B, Phường C1, quận D.

Ngày 04/6/2019, anh Võ Bá T đến phòng trà Pha L, trong lúc nói chuyện, anh T nhờ T tìm giúp cho anh T 03 gái mại dâm để T và bạn T mua dâm, nếu được thì anh T sẽ cho Thảo tiền. T đồng ý nên ngày 05/6/2019, T liên hệ với “Dora” và “D YY” là bạn bè quen biết qua mạng xã hội Zalo (không xác định được nhân thân, lai lịch) và nhờ giới thiệu giúp gái bán dâm. Sau đó “Dora” giới thiệu Nguyễn Thị T1 (tên gọi khác là M); “D YY” giới thiệu Nguyễn Thị Bích H cho T. Sau khi được giới thiệu 02 gái bán dâm thì sáng ngày 06/6/2019, T điện thoại cho Nguyễn Thị Trúc S là nhân viên phòng trà Pha L và yêu cầu S đến sớm để tiếp khách. Khoảng 18 giờ cùng ngày, anh T gọi điện thoại cho T, thì T thông báo đã tìm được 03 gái mại dâm. Khoảng 21 giờ cùng ngày, anh T cùng bạn là Nguyễn Thê M, Võ C (tên gọi khác là M) đến phòng trà Pha L. Tại đây, anh T trực tiếp thỏa thuận với T như sau: T mua dâm đối với T1 là 3.500.000 đồng/lần; M mua dâm đối với H là 3.500.000 đồng; C mua dâm đối với S là 2.500.000 đồng. Tổng cộng T đã đưa cho T 9.500.000 đồng. Ngoài ra như đã hứa T cho riêng T 1.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền xong T kêu anh T dẫn bạn đến khách sạn H79 địa chỉ số 7B đường Cộng H, Phường C1, quận D thuê phòng rồi T sẽ kêu gái mại dâm là H, S, T1 đến để thực hiện việc bán dâm. Khoảng 21 giờ 50 phút cùng ngày, Đội 6 Phòng PC02 Công an Thành phố Hồ Chí Minh kiểm tra khách sạn, phát hiện:

- Tại phòng 501, Nguyễn Thị T1 bán sâm cho Võ Bá T;
- Tại phòng 601, Nguyễn Thị Bích H bán sâm cho Nguyễn Thế M;
- Tại phòng 602, Nguyễn Thị Trúc S bán sâm cho Võ C.

Tại Cơ quan công an, Nguyễn Thị Trúc S khai nhận: Ngày 06/6/2019, T gọi điện kêu đi làm sớm để tiếp khách. Như yêu cầu, S đến ngồi tiếp nước 03 vị khách nam được một lúc thì H và T1 đến ngồi cùng bàn. T hỏi S về việc bán sâm, S đồng ý nên T giới thiệu S bán sâm cho khách tên C và đưa cho S 2.000.000 đồng, sau đó H chở S và T1 đến khách sạn H79 để bán sâm cho khách, tại khách sạn S lên phòng 602 bán sâm cho khách nam tên C.

Nguyễn Thị T1 khai nhận được một người bạn có nick Zalo tên “Dora” báo là có khách mua sâm và kêu T1 đến phòng trà Pha L gặp T có số điện thoại 0938892529 để gặp khách. Khoảng 20 giờ ngày 06/6/2019, T1 đến thì gặp T, sau khi nói chuyện T giới thiệu T1 sẽ bán sâm cho khách tên T tại phòng 501 khách sạn H79.

Nguyễn Thị Bích H khai nhận có quen biết một người bạn tên “D YY” trên Zalo, D nói khi nào có khách mua sâm sẽ giới thiệu cho H. Tối ngày 05/6/2019, D báo cho H là có khách mua sâm vào ngày 06/6/2019, giá mua sâm là 2.500.000 đồng/lần. Nếu đồng ý thì cho D 300.000 đồng qua thẻ cào điện thoại. H đồng ý. Đến khoảng 20 giờ ngày 06/6/2019, H được Diễm gọi yêu cầu đến phòng trà Pha Lê gặp T (Lan A) để gặp khách mua sâm. Tại đây, T giới thiệu cho H bán sâm cho khách tên M tại phòng 601 khách sạn H79.

Nguyễn Thị T thừa nhận hành vi môi giới mại sâm và khai sau khi thỏa thuận với anh Trí về số tiền mua bán sâm, và nhận tiền từ anh T, T đã đưa cho S 2000.000 đồng để S bán sâm cho khách tên C và T được hưởng chênh lệch 500.000 đồng.

Riêng số tiền khách trả mua sâm cho H và T1 mỗi người 3.500.000 đồng thì T dự định đưa cho T1 3.200.000 đồng, đưa cho “Dora” 200.000 đồng bằng hình thức thẻ cào điện thoại, T hưởng lợi 100.000 đồng; Số tiền khách mua sâm đối với H là 3.500.000 đồng. T sẽ đưa H 3.000.000 đồng, chia lại cho “D YY” 200.000 đồng bằng hình thức thẻ cào điện thoại, T hưởng lợi 200.000 đồng. Tuy nhiên, T chưa thực hiện việc đưa tiền thì bị Công an phát hiện và sau đó bắt giữ.

Sau khi bị Công an bắt giữ, T đã tự nguyện giao nộp toàn bộ số tiền lại cho Cơ quan Công an.

Làm việc với ông Ngô Thái H, chủ phòng trà Pha L, ông H khai: Khoảng cuối tháng 5/2019, ông có nhận T vào thử việc vị T quản lý phòng trà với mức lương 6.000.000 đồng/tháng. Việc T môi giới mại sâm cho khách đến phòng trà, ông không biết. Do đó, không có cơ sở xác định ông H có liên quan đến hành vi phạm tội của T.

Làm việc với chị Lê Thị H, quản lý khách sạn H79 xác định được: Vào khoảng 20 giờ ngày 06/6/2019, có khách tên Võ Bá T, Nguyễn Thế M và Võ C đến

thuê phòng 501, 601 và 602, đưa trước tiền phòng là 100.000 đồng/phòng, theo quy định chị H đã ghi tên khách thuê phòng vào sổ theo dõi của khách sạn. Sau khi những người này nhận phòng một lúc thì có 3 phụ nữ đến nói lên phòng bạn chơi nên chị Hạnh cho lên. Khoảng 21 giờ 15 phút, công an kiểm tra hành chính phát hiện có 03 cặp nam nữ ở chung phòng và cho biết là đang thực hiện việc mua bán dâm. Chị H không biết những người nam đến thuê phòng để mua dâm, không biết T giới thiệu khách đến khách sạn H79 để mua bán dâm, khách sạn cũng không có chủ trương chứa mại dâm, nên không có cơ sở xử lý trách nhiệm hình sự đối với Lê Thị H.

Làm việc với ông Đinh Văn T là chủ khách sạn H79, xác định được: khách sạn H79 có giấy phép đăng ký kinh doanh, do ông Đinh Văn T là người đại diện theo pháp luật. Ông T không có chủ trương chứa mại dâm, việc khách thỏa thuận mua bán dâm bên ngoài rồi đưa vào khách sạn thuê phòng ông T không biết. Ông T không quen biết T, không chỉ đạo cho quản lý khách sạn cho thuê phòng để khách mua bán dâm, vì vậy không có cơ sở xử lý hình sự đối với ông Đinh Văn T.

Đối với đối tượng tên “D YY” và “Dora”, qua kiểm tra điện thoại của T, T1 và H đều không lưu số điện thoại, không kết nối được mạng zalo và không liên lạc được nên không có cơ sở điều tra, làm rõ.

Quá trình điều tra, Công an quận Tân Bình đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị Trúc S và Nguyễn Thị Bích H về hành vi bán dâm theo khoản 1 Điều 23 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/01/2013 của Chính phủ; ra quyết định xử phạt hành chính đối với Võ Bá T, Nguyễn Thế M và Võ C về hành vi mua dâm theo khoản 1 Điều 22 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/01/2013 của Chính phủ.

Vật chứng vụ án:

- 01 cuốn sổ lưu trú của khách sạn.
- Thu của Nguyễn Thị T: 01 điện thoại di động hiệu Oppo F9 màu tím, số tiền 8.500.000 đồng.
- Thu của Nguyễn Thị Trúc S: 01 điện thoại di động hiệu Redmi C1, số tiền 2.0000.000 đồng.
- Thu của Nguyễn Thị T1: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6plus, 01 bao cao su Durex đã qua sử dụng.
- Thu của Nguyễn Thị Bích H: 01 bao cao su hiệu VIP đã qua sử dụng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, 01 điện thoại di động hiệu Nokia và 01 xe gắn máy hiệu Honda SH biển số 75H1-63942.

Tại bản cáo trạng số 124/CT-VKS ngày 27 tháng 9 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội “Môi giới mại dâm” theo điểm đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát đã trình bày luận tội, cụ thể: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa thông qua lời khai của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì hành vi tiếp xúc, thỏa thuận, nhận tiền từ một người để làm môi giới cho 3 người mua bán dâm cùng thời gian của bị cáo Nguyễn Thị T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Môi giới mại dâm”, được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng thuần phong mỹ tục của người Việt Nam, gây ảnh hưởng trật tự, an toàn xã hội, bị cáo phạm tội do cố ý nên cần xử phạt bị cáo mức án phù hợp để có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Từ căn cứ trên đề nghị áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm đ khoản 2 Điều 328; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo 03 ba năm tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án.

Về vật chứng vụ án:

- Đối với 01 cuốn sổ lưu trú của khách sạn là chứng cứ của vụ án, nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu lưu vào hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 bao cao su Durex đã qua sử dụng và 01 bao cao su hiệu VIP đã qua sử dụng là những vật không có giá trị nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu và tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Oppo F9 màu tím, số tiền 8.500.000 đồng thu của Nguyễn Thị T. Bị cáo khai điện thoại dùng vào việc phạm tội, số tiền 8.500.000 đồng là tiền của khách mua dâm đưa cho T để trả tiền mua dâm. Xét thấy đây là tài sản dùng vào việc phạm tội và do phạm tội mà có nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Redmi C1 thu của chị Nguyễn Thị Trúc S. Xét thấy đây là tài sản cá nhân của chị S nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho chị S.

Đối với số tiền 2.0000.000 đồng thu của chị Nguyễn Thị Trúc S. Chị S khai đây là tiền bán dâm mà T đã đưa cho chị. Xét thấy đây là khoản tiền thu lợi bất chính nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6plus thu của chị Nguyễn Thị T1. Xét thấy đây là tài sản cá nhân của chị T1 nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho chị T1.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, 01 điện thoại di động hiệu Nokia và 01 xe gắn máy hiệu Honda SH biển số 75H1-53942 thu của chị Nguyễn Thị Bích H. Xét thấy đây là tài sản cá nhân của chị H nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho chị H.

Sau phần luận tội của Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận, tranh tụng với Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của bị cáo để chiếu cố giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nhằm giúp cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm của mình và có cơ hội chăm lo cho gia đình bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Căn cứ vào hành vi phạm tội của bị cáo theo các tài liệu, chứng cứ được Công an quận Tân Bình lập, thì việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình ra quyết định tạm giữ, khởi tố vụ án, khởi tố bị can ra quyết định tạm giam để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử đối với bị cáo Nguyễn Thị T về hành vi môi giới mại dâm quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 là có cơ sở, đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo, Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình được phân công điều tra, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, thẩm tra các tài liệu, chứng cứ, luận tội, tranh tụng; nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa thông qua việc thẩm tra các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thì hành vi tiếp xúc, thỏa thuận, nhận tiền từ một người để làm môi giới cho 03 người mua bán dâm theo yêu cầu của người mua dâm cùng thời gian, địa điểm của bị cáo Nguyễn Thị T là hành vi vi phạm pháp luật, bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội do cố ý nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Môi giới mại dâm” được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Đồng thời qua phần phân tích, đánh giá, nhận định của đại diện Viện kiểm sát trong phần luận tội, nhận thấy những căn cứ Viện kiểm sát viện dẫn làm cơ sở chứng minh hành vi phạm tội để đề nghị truy tố, xử phạt bị cáo như đã nêu trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng xấu đến thuần phong, mỹ tục của người Việt Nam, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an xã hội tại địa phương. Mặc dù nhận thức được hành vi môi giới mại dâm là hành vi vi phạm pháp luật, nhưng do muốn có tiền để thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên bị cáo đã cố ý phạm tội, vì vậy cần xử bị cáo mức án phù hợp để có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình

điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, ngoài ra xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, con nhỏ, cha mẹ già yếu, bệnh tật cần người hỗ trợ, chăm sóc nên cần giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Như nêu trên, xét thấy tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra không lớn; bị cáo có 2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự, trong đó có 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự (điểm s), có tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65, điểm đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo, đề nghị cho bị cáo hưởng án treo là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 cuốn sổ lưu trú của khách sạn, Xét đây là chứng cứ của vụ án nên Hội đồng xét xử thống nhất tịch thu giao cho Tòa án nhân dân quận Tân Bình lưu vào hồ sơ vụ án như đề nghị của Viện kiểm sát.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Oppo F9 màu tím, số tiền 8.500.000 đồng thu của Nguyễn Thị T. Quá trình điều tra xác định được, điện thoại bị cáo dùng vào việc phạm tội, số tiền 8.500.000 đồng là tiền của khách mua dâm đưa cho bị cáo để trả cho gái bán dâm và cho bị cáo. Xét thấy đây là tài sản bị cáo dùng vào việc phạm tội và do phạm tội mà có nên Hội đồng xét xử thống nhất tịch thu nộp ngân sách Nhà nước như đề nghị của Viện kiểm sát.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Redmi C1 thu của chị Nguyễn Thị Trúc S. Xét thấy đây là tài sản cá nhân của chị S nên Hội đồng xét xử thống nhất trả lại cho chị S như đề nghị của Viện kiểm sát.

- Đối với số tiền 2.0000.000 đồng thu của Nguyễn Thị Trúc S. Quá trình điều tra xác định được đây là tiền do khách mua dâm trả và bị cáo Thảo đưa cho chị S trước khi đến khách sạn để bán dâm. Xét thấy đây là khoản thu lợi bất chính nên Hội đồng xét xử thống nhất tịch thu nộp ngân sách Nhà nước như đề nghị của Viện kiểm sát.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6plus thu của chị Nguyễn Thị T1. Xét thấy đây là tài sản cá nhân của chị T1 nên Hội đồng xét xử trả lại cho chị T1 như đề nghị của Viện kiểm sát.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, 01 điện thoại di động hiệu Nokia và 01 xe gắn máy hiệu Honda SH biển số 75H1-53942 thu của chị Nguyễn Thị Bích H. Xét thấy đây là tài sản cá nhân của chị H nên Hội đồng xét xử trả lại cho chị H như đề nghị của Viện kiểm sát.

- Đối với 01 bao cao su Durex đã qua sử dụng và 01 bao cao su hiệu VIP đã qua sử dụng là những vật không có giá trị nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu và tiêu hủy.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 328, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 1, khoản 2 Điều 106, Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Luật phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[1] Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Môi giới mại dâm”.

Xử phạt: NGUYỄN THỊ T 03 (ba) năm tù về tội “Môi giới mại dâm” nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân Phường C, quận D để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo (quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2017, sửa đổi bổ sung năm 2017).

[2] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu giao cho Tòa án nhân dân quận Tân Bình lưu vào hồ sơ vụ án 01 cuốn sổ lưu trú của khách sạn Thái Hoàng (Tình trạng theo Phiếu nhập kho vật chứng của Công an quận Tân Bình).

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Oppo F9 màu tím, số imeil 1: 860163040306214, số imeil 2: 860163040306206 và số tiền 10.500.000 (mười triệu năm trăm ngàn) đồng (Tình trạng theo Phiếu nhập kho vật chứng của Công an quận Tân Bình).

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị T1 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6plus, số imeil: 35328807284040 (Tình trạng theo Phiếu nhập kho vật chứng của Công an quận Tân Bình).

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Trúc S 01 điện thoại di động hiệu Realdme C1, số imeil 1: 860466040642193, số imeil 2: 860466040642185 (Tình trạng theo Phiếu nhập kho vật chứng của Công an quận Tân Bình).

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Bích H: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 16GB, số imeil: 359260061507825; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số imeil: 35340709749264 và 01 xe gắn máy hiệu Honda SH biển số 75H1-53942, số

khung: RLHJ7308GY117227, số máy: JF73E0116923 (Tình trạng theo Phiếu nhập kho vật chứng của Công an quận Tân Bình).

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 bao cao su Durex đã qua sử dụng (01 hộp niêm phong bên ngoài có chữ ký của Nguyễn Thị T1) và 01 bao cao su hiệu VIP đã qua sử dụng (01 hộp niêm phong bên ngoài có chữ ký của Nguyễn Thị Bích H) (Tình trạng theo Phiếu nhập kho vật chứng của Công an quận Tân Bình).

[3] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015).

Hội đồng xét xử đã giải thích về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án cho đương sự theo quy định tại Điều 26 Luật Thi hành án (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015).

[4] Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt, niêm yết bản án hợp lệ.

Đã giải thích chế định án treo.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có QL, NV liên quan;
- Công an quận Tân Bình;
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- TAND, VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng HSNVCS CA Tp. HCM;
- Sở Tư pháp TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn T